

Phụ lục: CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA LẤY BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư ngỏ số 3391 /DNA-TTV ngày 01/10/2026)

Số: ; 01/10/2026; 14:40:38; +07:00

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đơn hàng số 4:	Bu lông, guzong các loại											
1	Bu lông	M10x20mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; Bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh	Bộ	400						≤60 ngày			
2	Bu lông	M10x50mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	564						≤60 ngày			
3	Bu lông	M10x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	48						≤60 ngày			
4	Bu lông	M12x40mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	152						≤60 ngày			
5	Bu lông	M12x50mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	1412						≤60 ngày			
6	Bu lông	M12x60mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	300						≤60 ngày			
7	Bu lông	M14x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; Bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	400						≤60 ngày			
8	Bu lông	M14x60mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; Bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	300						≤60 ngày			
9	Bu lông	M16x100mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 bu lông+1 đai ốc+1 đệm lót phẳng	Bộ	600						≤60 ngày			
10	Bu lông	M16x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	400						≤60 ngày			
11	Bu lông	M16x140mm; ren 1/2; cường lực 10.9; đen; bao gồm 01 bu lông đầu lục giác chìm+01 đệm phẳng+01 đệm vênh+02 đai ốc	Bộ	36						≤60 ngày			
12	Bu lông	M16x170mm; ren 1/2; cường lực 10.9; đen; bao gồm 01 bu lông đầu lục giác chìm+01 đệm phẳng+01 đệm vênh+02 đai ốc	Bộ	60						≤60 ngày			
13	Bu lông	M16x200mm; ren 1/2; cường lực 10.9; đen; bao gồm 01 bu lông đầu lục giác chìm+01 đệm phẳng+01 đệm vênh+02 đai ốc	Bộ	24						≤60 ngày			
14	Bu lông	M16x50mm; ren suốt; cường lực 12.9; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	24						≤60 ngày			
15	Bu lông	M16x50mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	1552						≤60 ngày			
16	Bu lông	M16x60mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	300						≤60 ngày			
17	Bu lông	M16x70mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	96						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Bu lông	M16x70mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	280						≤60 ngày			
19	Bu lông	M16x80mm; ren suốt; cường lực 12.9; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	84						≤60 ngày			
20	Bu lông	M16x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	622						≤60 ngày			
21	Bu lông	M16x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm: 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm phẳng	Bộ	128						≤60 ngày			
22	Bu lông	M18x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm phẳng	Bộ	128						≤60 ngày			
23	Bu lông	M18x60mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 bu lông+1 đai ốc+1 đệm lót phẳng	Bộ	240						≤60 ngày			
24	Bu lông	M18x70mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	400						≤60 ngày			
25	Bu lông	M18x80mm; ren 1/2; cường lực 10.9; đen; bao gồm 01 bu lông mũ vuông+01 đệm phẳng+01 đệm vênh+02 đai ốc	Bộ	66						≤60 ngày			
26	Bu lông	M18x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	16						≤60 ngày			
27	Bu lông	M20x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	852						≤60 ngày			
28	Bu lông	M20x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	100						≤60 ngày			
29	Bu lông	M20x120mm; ren suốt; 8.8; đen; bao gồm 1 bu lông+1 đai ốc+1 đệm vênh+1 đệm phẳng	Bộ	60						≤60 ngày			
30	Bu lông	M20x120mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	160						≤60 ngày			
31	Bu lông	M20x150mm; ren 2/3; cường lực 10.9; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	40						≤60 ngày			
32	Bu lông	M20x160mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	144						≤60 ngày			
33	Bu lông	M20x60mm; ren suốt; cường lực 12.9; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	848						≤60 ngày			
34	Bu lông	M20x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	696						≤60 ngày			
35	Bu lông	M20x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	428						≤60 ngày			
36	Bu lông	M20x90mm; ren 1/2; cường lực 12.9; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	1200						≤60 ngày			
37	Bu lông	M22x120mm; ren suốt; 8.8; đen; bao gồm 1 bu lông+1 đai ốc+1 đệm vênh+1 đệm phẳng	Bộ	60						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
38	Bu lông	M22x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	4						≤60 ngày			
39	Bu lông	M24x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	928						≤60 ngày			
40	Bu lông	M24x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	168						≤60 ngày			
41	Bu lông	M24x120mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	208						≤60 ngày			
42	Bu lông	M24x250mm; ren 1/2; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng	Bộ	100						≤60 ngày			
43	Bu lông	M27x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	20						≤60 ngày			
44	Bu lông	M27x110mm; bước ren P3mm, A4-80, DIN 933; bao gồm 1 bu lông+1 đai ốc+2 đệm vênh+5 đệm phẳng	Bộ	168						≤60 ngày			
45	Bu lông	M27x120mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	264						≤60 ngày			
46	Bu lông	M27x150mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	100						≤60 ngày			
47	Bu lông	M30x120mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	260						≤60 ngày			
48	Bu lông	M30x140mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	20						≤60 ngày			
49	Bu lông	M30x140mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	30						≤60 ngày			
50	Bu lông	M30x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+02 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	30						≤60 ngày			
51	Bu lông	M33x150mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	24						≤60 ngày			
52	Bu lông	M8x120mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm phẳng	Bộ	144						≤60 ngày			
53	Bu lông	M8x20mm; ren suốt; Vật liệu SUS304; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	200						≤60 ngày			
54	Bu lông	M8x40mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông+01 đai ốc+01 đệm vênh+01 đệm phẳng	Bộ	2880						≤60 ngày			
55	Bu lông chữ J	M12x150mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm: 1 bu lông; 2 đai ốc+1 đệm phẳng+1 đệm vênh	Bộ	100						≤60 ngày			
56	Bu lông mắt	M16180.240.0100; ren M24x3.0x100mm; kiểu bu lông mắt cố định; thép cấp bền 4.6, DIN 444; bộ gồm: 01 bu lông mắt+01 đai ốc+01 đệm vênh +01 đệm phẳng +01 chốt cố định+01 chốt chẻ	Bộ	100						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
57	Gu zông	M12x50mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 gu zong+2 đai ốc+2 đệm phẳng+2 đệm vênh	Bộ	12						≤60 ngày			
58	Gu zông	M12x80mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 gu zông+2 đai ốc+2 đệm vênh+2 đệm phẳng	Bộ	300						≤60 ngày			
59	Gu zông	M16x100mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 gu zông + 02 đai ốc + 02 đệm vênh + 02 đệm phẳng	Bộ	24						≤60 ngày			
60	Gu zông	M16x120mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 gu zông+2 đai ốc m=24mm+2 đệm vênh+2 đệm phẳng	Bộ	300						≤60 ngày			
61	Gu zông	M30x150mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 gu zông+2 đai ốc+2 đệm vênh+2 đệm phẳng	Bộ	24						≤60 ngày			
62	Gu zông	M30x200mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 gu zông + 2 đai ốc + 2 đệm vênh + 2 đệm phẳng	Bộ	40						≤60 ngày			
63	Gu zông	M36x220mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 gu zong+2 đai ốc+2 đệm phẳng+2 đệm vênh	Bộ	200						≤60 ngày			
64	Gu zông	M39x360mm; ren mịn, bước ren 2.0; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 gu zong+2 đai ốc+2 đệm phẳng+2 đệm vênh	Bộ	60						≤60 ngày			
	Tổng cộng												